

CÔNG TÁC DÂN TỘC & CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016 -2020

Tòa soạn Tạp chí Dân tộc & Thời đại



1. CÔNG TÁC DÂN TỘC

Công tác dân tộc là những hoạt động của Nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Có thể hiểu công tác dân tộc là những hoạt động của Nhà nước tác động trực tiếp đến các dân tộc và quan hệ dân tộc nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; gắn với kế hoạch phát triển chung của đất nước, tạo ra sự bình đẳng, hòa nhập và phát triển, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Theo khoản 1, Điều 4, Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác DT: “Công tác dân tộc” là những hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.”

Quản lý nhà nước về công tác dân tộc là quá trình tác động của Nhà nước để điều hành, điều chỉnh các hoạt động kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số để những tác động đó diễn ra theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Quản lý nhà nước về công tác dân tộc thực chất là quản lý việc thực hiện luật pháp, chính sách và chương trình của Nhà

nước liên quan đến dân tộc; đồng thời đây còn là sự kết hợp hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước với sự tham gia của các cộng đồng dân cư ở các vùng dân tộc thiểu số.

Hoạt động QLNN về công tác dân tộc:

Nhà nước tác động có tổ chức và điều chỉnh các quan hệ nảy sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm phát triển toàn diện ở vùng DTTS theo hướng bền vững; thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc, vùng miền.

Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về dân tộc; tuyên truyền, phổ biến, chế độ, chính sách pháp luật về dân tộc;

Tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách và chương trình liên quan đến dân tộc;

Xây dựng và tổ chức bộ máy thực hiện;

Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc;

Thanh tra, kiểm tra, giám sát;

Tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc.

a) Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về dân tộc

Quy trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về dân tộc bao gồm các bước:

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn;

Xác định nhu cầu thực tiễn để hình thành chính sách (tên gọi và nội dung);

Xây dựng văn bản mang tính pháp quy;

Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Ban hành văn bản.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp

luật về dân tộc bao gồm các văn bản Luật, Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị, Thông tư và các Chiến lược, Chương trình, Đề án cấp quốc gia và cấp Bộ.

Là hoạt động trọng tâm được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở cả cấp Trung ương và địa phương.

Hoạt động này được thực hiện thường xuyên để các cơ quan, tổ chức, cá nhân hiểu và tuân thủ các quy định của luật pháp, thực hiện các hành vi tích cực với vấn đề dân tộc.

c) Tổ chức thực hiện chiến lược và chính sách, chương trình liên quan đến dân tộc

Gồm các bước:

Quán triệt mục tiêu, yêu cầu, nội dung chiến lược và chính sách, chương trình;

Cụ thể hóa, lập kế hoạch triển khai chiến lược và chính sách, chương trình;

Chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện chiến lược và chính sách, chương trình; phân công, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chủ trì hoặc phối hợp thực hiện chiến lược và chính sách, chương trình;

Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện chiến lược và chính sách, chương trình và tiếp thu, giải quyết các thông tin phản hồi của nhân dân.

d) Xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Ở Việt Nam hiện nay, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác dân tộc có hệ thống từ trung ương đến địa phương:

Cấp trung ương: Ủy ban Dân tộc,

Cấp tỉnh: Ban Dân tộc,

Cấp huyện: Phòng Dân tộc

Các tổ chức trên được quy định các chức năng, nhiệm vụ; được bố trí các

nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

đ) *Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc*

Mục đích: Cung cấp thông tin, dữ liệu về các tộc người, các vùng dân tộc thiểu số, các lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc cho các cá nhân, tổ chức liên quan để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, chương trình, dự án về dân tộc.

Yêu cầu: Hướng tới xây dựng thông tin, dữ liệu về đặc điểm, điều kiện tự nhiên, xã hội, dân tộc cùng các chỉ số phát triển cho các dân tộc, các vùng DTTS, các đơn vị hành chính, các chính sách, chiến lược, chương trình, dự án về dân tộc và tiến trình thực hiện, kết quả, những tác động, ảnh hưởng của những chính sách, chiến lược, chương trình, dự án.

e) *Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc*

Mục đích: Phát hiện được những hạn chế của từng nội dung chính sách để có cơ sở sửa đổi chính sách cho phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn của đồng bào dân tộc thiểu số và vùng dân tộc thiểu số. Phát hiện được những sai lệch, khó khăn trong thực hiện chính sách dân tộc tại các địa bàn để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

f) *Tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc*

Mục đích: Đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế; rút ra những bài học kinh nghiệm, đặc biệt là những bài học rút ra được từ việc tổng hợp ý kiến phản hồi của nhân dân (đối tượng thụ hưởng chính sách);

Đề xuất kiến nghị, giải pháp để phát huy kết quả đạt được và khắc phục những khó khăn, hạn chế khi thực hiện chính sách dân tộc.

2. CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

- *Chính sách dân tộc*

Chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam là một bộ phận quan hệ hữu cơ với công tác dân tộc, được qui định bởi quan điểm về vấn đề dân tộc, xử lý vấn đề dân tộc và cách thức thực hiện công tác dân tộc. Hiện nay khái niệm chính sách dân tộc



được luận giải phong phú.

Dưới góc độ chính trị - xã hội, “Chính sách dân tộc là tổng hợp những quan điểm, đường lối, chính sách của nhà nước được đề ra tác động trực tiếp đến các dân tộc và quan hệ dân tộc. Chính sách dân tộc mang bản chất giai cấp của nhà nước trong phạm vi đối nội và đối ngoại”

Dưới góc độ quản lý nhà nước, “Chính sách dân tộc là hệ thống những quyết sách của Đảng, Nhà nước được thực thi thông qua bộ máy hành pháp để quản lý và phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội đối với các dân tộc và vùng đồng bào dân tộc nhằm thiết lập sự bình đẳng và hoà nhập phát triển, củng cố, tăng cường sự đoàn kết thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”.

Chính sách dân tộc cũng là chính sách phát triển nhằm thiết lập nên những

tộc ở Việt Nam.

- Thực hiện chính sách dân tộc

Thực hiện chính sách dân tộc là việc đưa pháp luật, chính sách vào cuộc sống, trên cơ sở cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, từ khâu hướng dẫn, thông tin, phân công trách nhiệm, chuẩn bị các điều kiện nguồn lực tài chính, nhân lực cần thiết bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ yêu cầu qui định trong chính sách.

Trong thực hiện chính sách, đánh giá chính sách là một nội dung quan trọng nhằm xác định hiệu lực, kết quả, hiệu quả của chính sách, so sánh, đối chiếu với những mục tiêu đặt ra, là cơ sở để xem xét chính sách có phù hợp hay không, cần điều chỉnh hay bãi bỏ.

Đánh giá chính sách đòi hỏi phải thực hiện ở tất cả các khâu, giai đoạn, theo sát tiến trình vận động của chính sách.

Đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ là hai hoạt động có tính bắt buộc nhằm tăng hiệu quả giám sát hoạt động chính sách cũng như để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện chính sách dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc là một bộ phận hữu cơ trong hệ thống chính sách quốc gia, không thể tách rời với sự phát triển chung của đất nước, nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia cả



thành tựu phát triển về kinh tế, xã hội cho đồng bào dân tộc và vùng dân tộc, hướng tới đạt mục tiêu cao nhất là sự bình đẳng về mọi mặt, đặc biệt về mặt chính trị, kinh tế và văn hóa giữa các vùng và các dân

về khía cạnh chính trị, kinh tế và xã hội.

Thực hiện chính sách dân tộc còn thể hiện mục tiêu công bằng xã hội, là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa; thể hiện tình cảm, trách nhiệm của cả nước đối với

những đóng góp của đồng bào dân tộc trong sự nghiệp cách mạng giành, giữ nền độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

2.2. Căn cứ, nguyên tắc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới

2.2.1. Cơ sở xây dựng chính sách dân tộc

* Cơ sở Lý luận

Dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc. Đây là cơ sở quan trọng để đề ra những nguyên tắc, định hướng, mục tiêu và nội dung chính sách nhằm bảo đảm chính sách dân tộc theo đúng đường lối, nghị quyết của Đảng.

Bảo đảm các vấn đề cơ bản về quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp và những quy định của luật

Đây là những vấn đề mới trong đường lối của Đảng, Nhà nước trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền dân chủ của dân, do dân, vì dân và hội nhập sự phát triển của quốc tế.

Bản Hiến pháp 2013 có nhiều nội dung mới khẳng định những vấn đề về quyền con người, quyền công dân, tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng và dần được cụ thể hóa trong hệ thống các văn bản luật, chính sách của nhà nước, trong đó có những quy định phù hợp cho đối tượng chính sách là đồng bào dân tộc thiểu số.

“Điều 5” – Hiến pháp năm 2013 đã xác định:

“1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.”

* Cơ sở thực tiễn

Căn cứ đặc điểm cơ bản của các thành phần dân tộc ở nước ta mà những điểm nổi bật nhất là: cộng đồng thống nhất trong đa dạng, cư trú xen kẽ, phân tán, trình độ phát triển kinh tế- xã hội không đồng đều. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng của chính sách nhằm bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả của hệ thống chính sách dân tộc, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ, từng giai đoạn: giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập phát triển, hội nhập quốc tế.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia nhiều dân tộc trên nhiều mặt của đời sống, giữa các dân tộc thiểu số với nhau, giữa người đa số và người thiểu số, giữa miền ngược và miền xuôi.

Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi, như một bộ phận cấu thành sự nghiệp phát triển của đất nước. Nội dung của chính sách dân tộc vừa mang tính toàn diện, vừa mang tính đặc thù, vừa mang tính trước mắt, vừa mang tính lâu dài.

2.2.2. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc

Đường lối chính sách dân tộc của Đảng được xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng là sợi chỉ xuyên suốt qua các giai đoạn cách mạng. Tuy rằng ở mỗi thời kỳ nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của mỗi nguyên tắc có sự thay đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn.

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X (2006) khẳng định: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ”

Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII (2016), nguyên tắc trên đã có sự đổi mới, bổ sung hoàn thiện: “Các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển”

Các phạm trù bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển có quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau, hoà quyện vào nhau, biện chứng lẫn nhau, thể hiện trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

Trong giai đoạn đổi mới, Đảng, Nhà nước ta luôn nhất quán chủ trương, nguyên tắc trong đường lối chính sách dân tộc, đó là xây dựng khối đoàn kết, bình đẳng

giữa cộng đồng các dân tộc, phát triển toàn diện về kinh tế - chính trị - xã hội, bảo đảm các quyền và tiếp cận các quyền của đồng bào dân tộc thiểu số trên mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên cơ sở hệ thống pháp luật quốc gia và một số chính sách đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc.

2.3. Nội dung chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam thời kỳ 2016-2020

*Về quan điểm phát triển chung

Để thực hiện trên thực tế quyền bình đẳng giữa các dân tộc, một mặt, pháp luật phải bảo đảm quyền bình đẳng đó; mặt khác, phải có chính sách và tạo điều kiện để nhân dân các dân tộc miền núi vươn lên mạnh mẽ, phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực



hiện tốt chính sách dân tộc... Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số (Nghị Quyết 22/TU của Bộ Chính trị BCHTW năm 1989).

- Về chính trị:

Cần thể hiện đầy đủ các chính sách dân tộc, phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau, cùng làm chủ tập thể.

Tình cảm dân tộc, tâm lý dân tộc sẽ còn tồn tại lâu dài và là một lĩnh vực nhạy cảm. Trong khi xử lý các mối quan hệ dân tộc, phải có thái độ thận trọng đối với những gì liên quan đến lợi ích của mỗi dân tộc, tình cảm dân tộc của mỗi người. Chống những thái độ, hành động biểu thị tư tưởng "dân tộc lớn" và những biểu hiện của tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

Cần có quy định vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp trong HDND ở những địa phương có nhiều dân tộc khác nhau để HDND thật sự là cơ quan quyền lực của dân, đảm bảo đoàn kết dân tộc

- Về phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo:

Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái.

Áp dụng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, chuyển giao kỹ thuật, sử dụng đất đai. Khuyến khích hình thành những tụ điểm kinh tế có tiềm năng thúc đẩy kinh tế hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa ngành nghề, phát triển công nghiệp chế biến, đẩy mạnh giao lưu hàng hóa, mở mang dịch vụ.

Có chính sách ưu đãi đặc biệt thu hút đầu tư vào các vùng sâu, vùng xa. Áp dụng cách quản lý đặc thù về đầu tư đối với miền núi trong từng khu vực cụ thể.

- Về phát triển giáo dục

Đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng, miền. Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục THCS và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống trường PTDTNT các cấp; đẩy mạnh việc tổ chức các trường mẫu giáo công lập; mở rộng việc dạy chữ dân tộc.

Đa dạng hóa, phát triển nhanh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề ở vùng dân tộc; đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú; tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên, cử tuyển dành cho con em các dân tộc vào học tại các trường đại học và cao đẳng...

Nghiên cứu tổ chức hệ thống trường chuyên đào tạo, bồi dưỡng trí thức và cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số

- Về phát triển y tế

Cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến cơ sở, ưu tiên các huyện nghèo, xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả sử dụng bảo hiểm y tế (BHYT) đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, các hộ nghèo.

Ưu tiên đầu tư và tăng cường các chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình đối với các vùng đông dân có mức sinh cao, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Ưu tiên triển khai các chương trình, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống đối với các dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng khó khăn, người di cư và nhóm đối tượng thiệt thòi.

- Về phát triển văn hóa

Coi trọng và bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống và xây dựng, phát triển những giá trị mới về văn hóa, văn học, nghệ thuật của các dân tộc thiểu số.

Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

Phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật là người dân tộc thiểu số.

- Về công tác cán bộ

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là

người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc. Trong những năm trước mắt, cần tăng cường lực lượng cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt đến công tác ở vùng dân tộc.

Coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự làm nguồn cán bộ bổ sung cho cơ sở.

Nghiên cứu sửa đổi tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm và các cơ chế, chính sách đãi ngộ cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi, nhất là những cán bộ công tác lâu năm ở miền núi, vùng cao.

Có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc, nâng cao năng lực cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo ở các cấp chính quyền, cán bộ quản lý kinh tế.

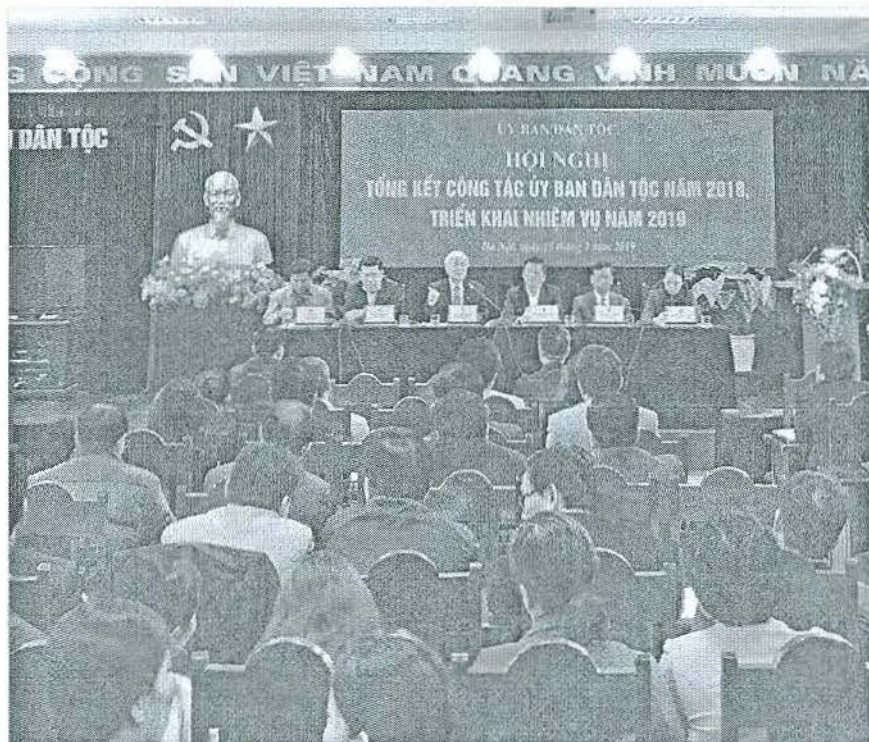
Đề xuất chính sách đặc thù, thống nhất trong cả nước nhằm sử dụng hiệu quả số học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số đã được đào tạo.

- Về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở

Tăng cường củng cố, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

Có chính sách động viên, bồi dưỡng, hướng dẫn và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các địa bàn dân cư vùng dân tộc và miền núi.

- Về an ninh, quốc phòng



Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân, phát huy sức mạnh tại chỗ để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những “điểm nóng” ở vùng dân tộc và miền núi. Tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh các khu kinh tế kết hợp quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Về tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc

Kiên toàn và chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

Tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc để làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách dân tộc.

Một số bộ, ngành cần tổ chức bộ phận và có cán bộ chuyên trách làm công tác dân tộc.

Tóm lại, Quan điểm, đường lối của Đảng về công tác dân tộc trong từng thời kỳ cũng như trong toàn bộ tiến trình đổi mới đều thể hiện sự trung thành, nhất quán với chủ nghĩa Mác - Lênin, có kế thừa, phát huy sáng tạo bằng tinh thần và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tiễn của Việt Nam, đồng thời mang tính toàn diện, sâu sắc và cụ thể. Đây là cơ sở nền tảng, định hướng cho việc hoạch định, quyết định chính sách và tổ chức thực hiện có kết quả các chính sách dân tộc ở nước ta.

2.4. Thành tựu CSDT

Nội dung được thể hiện trên các nhóm chính sách lớn:

Nhóm chính sách về hoạt động kinh tế và phát triển NN, nông thôn;

Nhóm chính sách về quản lý và

phát triển nguồn nhân lực;

Nhóm chính sách về văn hóa, xã hội;

Các chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người.

Có thể thấy, hầu hết các khía cạnh của đời sống đã được hệ thống chính sách đề cập, điều chỉnh nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý mang tính nền tảng cho các hoạt động kinh tế, xã hội cũng như thúc đẩy trợ giúp cho các vùng, các đối tượng ưu tiên trong phát triển, đặc biệt là vùng núi cao, biên giới và vùng dân tộc.

Thành tựu lớn nhất trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, nhà nước đến nay là: tất cả mọi công dân không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, giới đều bình đẳng về chính trị, trong các lĩnh vực của đời sống và bình đẳng trước pháp luật.

Đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường. Các dân tộc tôn trọng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước quan tâm và có chính sách ưu tiên đầu tư đối với các vùng DTTS:

Đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu như: Giao thông nông thôn - Điện - Thủy lợi - Nước sinh hoạt - Trường học - Trạm y tế.

Bộ mặt nông thôn vùng dân tộc thiểu số, miền núi đã có sự chuyển biến rõ rệt

- Tiền đề, điều kiện quan trọng cho phát triển toàn diện, bền vững ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Sản xuất ở hầu hết các địa bàn vùng dân tộc đều phát triển, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp:

Thay đổi phương thức canh tác truyền thống, áp dụng tiến bộ khoa học

kỹ thuật, giống mới có chất lượng năng suất cao.

Các huyện, xã đều có điển hình sản xuất giỏi; một số vùng đã có sản xuất hàng hóa với các sản phẩm chủ lực như cà phê, hồ tiêu, cao su (ở các tỉnh Tây Nguyên), lúa gạo (Điện Biên), Chè (Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ), cây ăn quả (Bắc Giang). Việc làm

và thu nhập của người dân tăng lên.

Tỷ lệ hộ nghèo các vùng giảm rõ rệt, đặc biệt ở những huyện nghèo trong Chương trình 30a (với 3-4%/năm).

Đời sống, vật chất, tinh thần, chất lượng cuộc sống của đồng bào từng bước được cải thiện đáng kể.

Cộng tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho các dân tộc thiểu số đã đạt được những kết quả đáng khích lệ:

Cơ bản xóa được tình trạng mù chữ và thực hiện phổ cập giáo dục bậc tiểu học và trung học cơ sở trong độ tuổi. Năm 2017, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số hoàn thành chương trình tiểu học đạt 95%. Các loại hình trường nội trú, bán trú phát triển trên phạm vi cả nước với 314 trường dân tộc nội trú và 1013 trường dân tộc bán trú. Đến nay, đã có 50/54 dân tộc có người học từ trình độ cao đẳng, đại học trở lên.

Văn hóa các dân tộc tiếp tục được giữ gìn và phát huy:

Thiết chế văn hóa cơ sở nhiều nơi



được củng cố gắn với phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Mạng lưới thông tin, phát thanh, truyền hình đã phủ rộng khắp đã giúp người dân tiếp cận nhiều hơn đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước, đời sống chính trị, xã hội của đất nước, tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần quan trọng mở mang dân trí.

Nhiều di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc đã được Tổ chức văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận (Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên) và có giá trị công nhận quốc gia (Sử thi Đam san -Tây Nguyên, Đẻ đất đẻ nước - dân tộc Mường, Sống trụ xôn sao – dân tộc Thái, Hát then – dân tộc Tày, Nùng) v.v...

Công tác y tế có bước cải thiện đáng kể:

Mạng lưới y tế ở vùng dân tộc phát triển. Đến nay nhiều xã đã đạt chuẩn về y tế, có bác sỹ.

Công tác CSSK ban đầu được

nâng lên, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được thực hiện đều khắp, nhiều dịch bệnh nguy hiểm được kiểm soát và đẩy lùi như bệnh sốt rét, bạch hầu, uốn ván. Đồng bào nghèo được khám chữa bệnh miễn phí và hưởng chính sách bảo hiểm y tế theo quy định. Chất lượng dân số và kiểm soát ban đầu tỷ lệ sinh tăng tự nhiên.

Hệ thống chính trị vùng dân tộc không ngừng được xây dựng, củng cố, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu. Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức vùng dân tộc và là người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị từng bước được nâng lên, nhất là cấp cơ sở, cả về số lượng và chất lượng.

Lãnh thổ và chủ quyền Quốc gia ở các vùng biên giới được đảm bảo. An ninh chính trị và trật tự xã hội trong vùng dân tộc cơ bản ổn định. Đồng bào đoàn kết, nâng cao cảnh giác đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại của các thế lực thù địch; đã và đang tham gia tích cực vào quá trình hội nhập với khu vực và thế giới của cả nước.

2. 5. Hạn chế trong xây dựng chính sách dân tộc

Nhiều vấn đề liên quan đến dân tộc thiểu số nhưng chưa được thể hiện hoặc thể hiện một cách chưa đầy đủ trong các văn bản Luật, pháp lệnh, nghị quyết nhất là trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, qui hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ, trí thức dân tộc thiểu số để đưa chính sách vào cuộc sống.

Trong khi đó, có nhiều nội dung đã được quy định trong văn bản luật nhưng chưa được thể chế hóa. Về đối tượng chính sách, phần lớn quy định cho vùng (vùng dân tộc, miền núi; vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn...) nên chính sách mang tính chất cho vùng nhiều hơn là cho đối

tượng dân tộc thiểu số nên thực tiễn cũng nảy sinh một số bất cập trong thực hiện.

Chính sách cụ thể ban hành còn thiếu tính hệ thống, đồng bộ và khả thi giữa mục tiêu đặt ra, thời gian thực hiện, định mức hỗ trợ và nguồn lực đảm bảo. Nhiều chương trình, chính sách đang có sự trùng lặp, chồng chéo cả về nội dung, địa bàn đầu tư, đối tượng thụ hưởng và phân công quản lý, gây vướng mắc trong tổ chức thực hiện và hạn chế hiệu quả chính sách. ợc Chính phủ cụ thể hóa văn bản dưới luật để tổ chức thực hiện.

Về đối tượng chính sách, phần lớn quy định cho vùng (vùng dân tộc, miền núi; vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn...) nên chính sách mang tính chất cho vùng nhiều hơn là cho đối tượng dân tộc thiểu số nên thực tiễn cũng nảy sinh một số bất cập trong thực hiện.

Chính sách cụ thể ban hành còn thiếu tính hệ thống, đồng bộ và khả thi giữa mục tiêu đặt ra, thời gian thực hiện, định mức hỗ trợ và nguồn lực đảm bảo. Nhiều chương trình, chính sách đang có sự trùng lặp, chồng chéo cả về nội dung, địa bàn đầu tư, đối tượng thụ hưởng và phân công quản lý, gây vướng mắc trong tổ chức thực hiện và hạn chế hiệu quả chính sách.

Một số chính sách còn mang tính điều chỉnh chung quốc gia chưa phù hợp với đặc điểm vùng, đặc điểm dân tộc (như đầu tư xây dựng cơ bản, chương trình nông thôn mới...), thiếu sự tham gia của cộng đồng; chưa tính đến khả năng duy trì hiệu quả của chính sách sau khi kết thúc cũng như đảm bảo được tính công bằng, bình đẳng đối với mọi đối tượng trên cùng một địa bàn.

Có chính sách thực hiện trong thời gian dài, mang tính bao cấp đến nay

không còn phù hợp, dễ tạo ra tâm lý trông chờ, ỉ lại của người dân nhưng chậm được tổng kết đánh giá, sửa đổi, bổ sung.

Nhiều vấn đề mới đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc nhưng chậm được xây dựng và ban hành chính sách như:

Chính sách đặc thù đầu tư vùng dân tộc;

Định hướng tổ chức qui hoạch, chuyển giao kỹ thuật - công nghệ cho người dân gắn với thiết lập thị trường và mạng lưới chế biến tiêu thụ sản phẩm để thúc đẩy sản xuất hàng hóa;

Chính sách đặc thù giáo dục-đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc,

Đào tạo cán bộ và trí thức dân tộc v.v. và cũng là những nội dung đã được đề cập trong Nghị quyết của Đảng.

3. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc, bảo đảm cho việc bảo vệ và thúc đẩy, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, bảo đảm các quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp 2013 và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia:

Yêu cầu tăng cường hoạt động lập pháp của Quốc hội như là điều kiện tiên quyết để bảo đảm các mục tiêu phát triển. Trong đó, tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm các quyền con người về dân sự, chính trị; các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa nói chung và quyền của nhóm đối tượng dân tộc thiểu số nói riêng.

Bảo đảm các quyền cho đồng bào dân tộc thiểu số phải được coi là đối tượng ưu tiên trong việc bảo vệ, yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện pháp luật, chính sách bảo vệ quyền lợi của nhóm đối tượng này: Không được có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào trong các quy định của pháp luật và quyền lợi của đồng bào các dân tộc phải được bảo đảm trên thực tế trên các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội; thực hiện trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc, bình đẳng trước pháp luật của công dân.

Thúc đẩy quá trình xây dựng năng lực nội sinh là một ưu tiên để đồng bào dân tộc thực thi, hội nhập trong chính sách phát triển quốc gia:

Biết tự chọn lọc, tự bảo vệ các giá trị và quyền lợi cơ bản cá nhân cũng như cộng đồng trong khuôn khổ hệ thống pháp luật nhà nước

Làm tốt công tác giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường nhận thức và phổ biến giáo dục pháp luật cho các tầng lớp đồng bào dân tộc.

Rà soát lại hệ thống chính sách và cơ cấu, xây dựng lại một cách đồng bộ các chương trình, chính sách :

Phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo,

Cải thiện dịch vụ xã hội và bảo tồn các giá trị văn hóa ở vùng dân tộc.

Cần có những chính sách đặc biệt, thực thi để tạo nên sự thay đổi toàn diện trong đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa của người dân một cách cơ bản theo các mục tiêu phát triển bền vững.

Tăng cường công tác phối hợp trong xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách dân tộc giữa các bộ, ngành có liên quan trong việc xây dựng, chỉ đạo

tổ chức thực hiện chính sách.

Xây dựng chính sách phải bảo đảm đúng qui trình, thủ tục qui định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật.

Các nội dung chính sách phải đảm bảo tính khoa học, thống nhất và có sự liên kết nhau để tránh chồng chéo, xung đột, mâu thuẫn

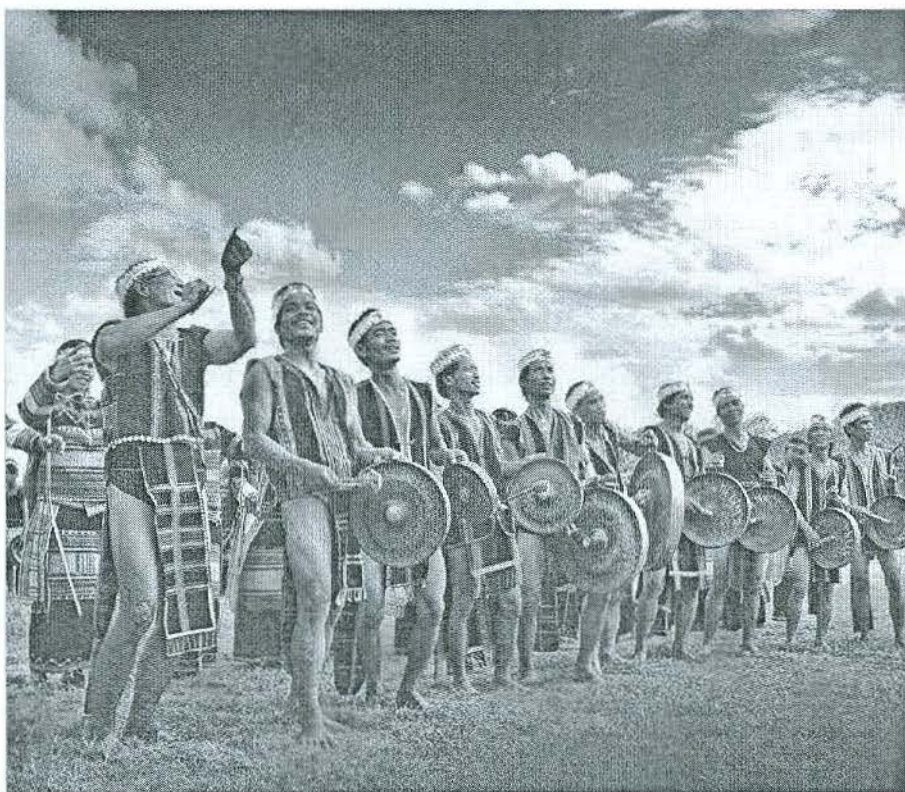
Xây dựng cơ chế nhằm tăng

cường công tác kiểm tra, giám sát trong thực thi pháp luật và xây dựng chính sách dân tộc. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan tư pháp để bảo đảm sự lãnh đạo chỉ đạo theo đường lối, chủ trương lớn của Đảng ở tầm vĩ mô. Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đối với cơ quan tư pháp và sự giám sát của đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong thực thi pháp luật ở vùng dân tộc và chính sách dân tộc.

KẾT LUẬN

Công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới nói chung và giai đoạn 2016-2020 là một nội dung quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc trong điều kiện quốc gia đa tộc người.

Thành tựu, hạn chế của công tác dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn vừa qua là sự phản ánh những vấn đề về quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn cụ



thể. Thực trạng trên cũng là sự phản ánh những tình hình, đặc thù, thuận lợi, khó khăn của công tác dân tộc; sự đa dạng, liên nhanh của chính sách dân tộc.

Bên cạnh kết quả, nhiều vấn đề mới đặt ra cần được tiếp tục nhận thức, đánh giá kết quả của công tác dân tộc, CSĐT, những nguyên nhân chủ quan và khách quan... để có cái nhìn tiếp cận sát thực hơn với nhu cầu, yêu cầu phát triển của cộng đồng các dân tộc trong giai đoạn từ 2020 – 2030 và những năm tiếp theo.

Công tác dân tộc, CSĐT hiện nay đang được Quốc hội, Chính phủ quan tâm trong việc tạo ra hiệu quả mới mang tính đột phá với việc đầu tư xây dựng “Đề án tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2020 – 2030”. Nhiều vấn đề mới trong tư duy CS và Công tác dân tộc sẽ mang lại hiệu quả mới cho đồng bào các DTTS và địa bàn thuộc CT.135.